

TÌM HIỂU NGUYÊN LIỆU ĐAN LÁT CỦA NGƯỜI KHƠ MÚ (Nghiên cứu ở bản Đình Sơn I, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An)

PHẠM MINH PHÚC

Đan lát mây tre, với những sản phẩm phong phú và đa dạng là nghề thủ công có sức sống lâu bền, trong tất cả các dân tộc ở nước ta. Đối với người Khơ mú, sản phẩm đan lát của họ không chỉ có nhiều chủng loại với những công năng khác nhau mà còn rất tinh xảo, nhiều dạng mô típ hoa văn độc đáo được thể hiện. Ở bản Đình Sơn I, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, nghề đan lát của người Khơ mú đã phát triển đến độ mạnh nha xuất hiện một làng nghề; một số người thoát ly hẳn nông nghiệp, để chuyên tâm vào việc đan lát. Gần đây, nghề đan lát ở bản Đình Sơn I không chỉ được chính quyền địa phương quan tâm như một giải pháp xoá đói, giảm nghèo, mà còn được các nhà dân tộc học để tâm nghiên cứu. Trong bài viết về *Nghề đan lát của người Khơ mú ở bản Đình Sơn I trong cơ chế thị trường*¹, các tác giả đã đề cập đến sự ảnh hưởng của cơ chế thị trường trong việc thu mua nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm và sự phát triển của nghề đan ở đây. Một nghề thủ công tồn tại và phát triển, sản phẩm được làm ra phải đẹp, có chất lượng cao, với nhiều mẫu mã, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Để duy trì và phát triển nghề đan lát truyền thống, người Khơ mú đã phải dựa vào nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau: có loại nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên đã được sử dụng từ lâu như mây, tre, nứa, dây leo, vỏ cây; cũng có loại nguyên liệu công nghiệp mới du nhập trong thời gian gần đây như dây cước, sợi ni lon, sợi bao tải dứa... Bài viết này, giới thiệu về cách khai thác, chế biến và bảo quản một số loại nguyên liệu trong nghề đan lát truyền thống của người Khơ mú ở bản Đình Sơn I.

(từ *néch*), nứa (*tờ la*), giang (*tờ rờ sẹ*), tre gai (*may phay*) và vầu đắng (*jaac*). Trong số này, vầu là loại cây được sử dụng nhiều hơn cả, tiếp đến là nứa, dang và tre gai.

- Vầu, luống

Vầu, luống là một loại họ tre to, cao khoảng 12 m, thành dầy, đường kính khoảng 15 cm, chủ yếu mọc gần khe suối, những nơi đất có độ dốc thấp, độ ẩm cao và thường mọc tập trung thành từng bụi lớn. So với các loại họ tre khác, vầu, luống cùng với giang được người Khơ mú bản Đình Sơn I sử dụng nhiều trong đan lát. Do có thân to, ruột rỗng, lóng dài (khoảng 60-80 cm) nên loại vầu, luống này có thể chế được nhiều nan và sử dụng vào nhiều việc khác nhau. Lý do không kém phần quan trọng khiến người ta thường lựa chọn vầu, luống là vì nó ít cành, không có gai và dễ khai thác. Đặc biệt, với đặc tính dẻo và kháng mọt rất tốt nên vầu, luống thường được người Khơ mú chọn để đan những sản phẩm chịu lực lớn, độ bền cao như mặt mâm, ép cơm (*ép mah*), gùi và những sản phẩm khác như: quạt lúa, chân ghế, mẹt sậy cám, cót phơi lúa...

- Nứa

Nứa thường mọc ở những vùng đất thấp, có độ ẩm cao. Nứa có thân mỏng, tiết diện chỉ khoảng 5-6 cm và cao 7-10 m. Sau vầu, luống người Khơ mú ưa sử dụng loại cây này để đan. Tuy có nhược điểm là không kháng mọt tốt như vầu, luống, đôi khi còn rất hay bị mọt, nhưng nứa có trữ lượng lớn và ở bất cứ chỗ nào quanh bản người ta cũng có thể lấy được. Hơn nữa, nứa mọc thẳng, chỉ có thân và cuống lá, không có cành và gai nên rất dễ cho việc khai thác cũng như làm nan. Vì thế, nứa hay được người Khơ mú sử dụng đan những vật dụng đơn giản, thông dụng, không đòi hỏi kỹ thuật cao như gùi mắt thưa (*khrong ja*), gùi mắt dầy (*khrong nhii*), mẹt sậy cám, rọ lợn, lồng gà, ổ gà (*tờ rờ nư hơ iar*), phen phơi lúa, giỏ cá, giỏ đựng lúa, tấm tranh lợn nhà... Ưu điểm của nứa là có khả năng chịu nước tốt nên thường được người Khơ mú sử dụng vào việc đan

I. CÁC LOẠI NGUYÊN LIỆU ĐAN LÁT

1. Các loại cây họ tre

Tại Đình Sơn I, có hơn chục loại cây họ tre, nhưng không phải loại nào cũng được sử dụng làm nguyên liệu đan lát, mà chỉ có: vầu, luống

¹ La Công Ý - Võ Mai Phương. *Nghề đan lát của người Khơ mú ở bản Đình Sơn I trong cơ chế thị trường*, Tạp chí Dân tộc học số 2/ 2004, tr. 22.

các loại sản phẩm mà khi dùng thường xuyên phải tiếp xúc với môi trường nước và ẩm, như các công cụ đánh bắt cá: *lộ, jo, li, sơ, sây moi, sây lam...*

- *Giang*

Giang là loại có tiết diện nhỏ, chỉ khoảng 3-4 cm, cao chừng 10-15 mét, lóng khá dài, có thể tới 70-80 cm. Nó khác với tất cả các loại cây họ tre là có nhiều cành nhánh, không mọc thẳng đứng mà bò như dây leo. *Giang* thường mọc ở những nơi đất ẩm, có khí hậu á nhiệt đới, vùng đầu nguồn khe suối, thường là nơi có địa hình dốc, nhiều đá. *Giang* mọc xen với các loại cây thân gỗ như dổi, vàng tâm, dẻ và cùng một số loại dây leo. *Giang* có ưu điểm là dẻo, tuy nhiên nó có nhược điểm là mọc không tập trung, lại ở trên cao, nơi có địa hình phức tạp, rất khó cho việc khai thác. Mặt khác, *giang* còn có nhược điểm nữa là không bền ở môi trường nước hoặc môi trường có độ ẩm cao, nên thường chỉ được sử dụng làm lát buộc hay để đan một số sản phẩm khi sử dụng ít tiếp xúc với môi trường ẩm và nước. Các sản phẩm đan bằng *giang* như: ép dụng xoi, vành gùi (*cư rư del ray*), giần, sàng, quạt hòm, mẹt...

- *Tre gai*

Tre gai giống như loại cây tre gai ở đồng bằng, thường mọc ở những khu rừng thấp, khí hậu ẩm và thường xen kẽ với một số loại cây khác như dẻ, vàng giảnh, vàng trắng, xăng lè, mạy soi, mạy mương... Đó là giống tre có rất nhiều tay dong và gai ở phần gốc, lóng ngắn, thân cứng, ít khi thẳng. Việc khai thác cũng như chế biến loại tre này gặp nhiều khó khăn nên người Khơ mú rất ít sử dụng để đan đồ gia dụng mà chỉ để đan hàng rào, làm các loại cán như cán cuốc, cán dao...

- *Jaac*

Jaac là một loại tre thân nhỏ, măng đắng, thường chỉ mọc ở vùng núi cao, có khí hậu á nhiệt đới, sống xen với cây lá kim ôn đới như thông, pơ mu. Loại cây này có đường kính khoảng 1,5 - 3 cm, lóng ngắn và có nhược điểm là rất giòn, dễ gãy nên ít được người Khơ mú dùng để đan lát. Chỉ trong những trường hợp bất khả kháng, chẳng hạn như khi đánh bẫy hoặc săn được thú lớn ở những khu rừng không có loại

nguyên liệu nào khác người ta mới lấy loại này đan rọ để vận chuyển thú về nhà.

2. Các loại cây họ mây

Ở Đỉnh Sơn I, trữ lượng mây ít hơn so với các loại cây họ tre và mây chỉ được sử dụng với số lượng khiêm tốn, nhưng nó có vai trò rất quan trọng trong nghề đan lát của người Khơ mú. Một số sản phẩm như mâm, ghế, gối..., người ta chủ yếu làm bằng song mây chứ không phải là tre nữa như thường thấy ở các sản phẩm khác. Mây bao giờ cũng là loại nguyên liệu được ưu tiên lựa chọn, khi người ta bó cặp các loại sản phẩm đan lát.

Người Khơ mú sử dụng nhiều loại mây khác nhau trong nghề đan lát, gồm: *bloong chãng, bloong chiéc, bloong cờ nệ, bloong gạ, bloong gret, bloong nuôn...* Các loại mây này hiện nay vẫn có sẵn ở những khu rừng quanh vùng Đỉnh Sơn I, nhưng trữ lượng đã giảm đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do vài năm trở lại đây nghề đan lát phục hồi và phát triển; do vậy nhu cầu về nguyên liệu tăng lên, trong khi đó tốc độ tái sinh và phát triển của song mây lại rất chậm, không kịp với tốc độ khai thác. Điều này rất đúng với nhận định của các tác giả trong cuốn *Dân tộc Khơ mú ở Việt Nam*².

- *Bloong chãng*

Bloong chãng có lóng dài khoảng 30 cm, tiết diện lớn nhất chỉ 1 cm, mọc thành từng bụi khoảng bốn mươi dây, trong các rừng khô có nữa, nành ngành (*tưt srưm*), xăng lè, dẻ... Với đặc tính dẻo, mềm, ít bị mọt nên *bloong chãng* được sử dụng rất nhiều vào việc như đan mặt ghế, làm nẹp gùi, chân mâm, buộc các bộ phận của khung và mái nhà, buộc cặp thúng, cặp gùi, cặp rỏ, ép dụng cơm, giỏ cá, đan gối... Phần bọng (*cnoong*) của *bloong chãng* còn được tận dụng làm dây buộc hàng rào.

- *Bloong chiéc*

Bloong chiéc cũng mọc thành từng bụi, có lóng ngắn chừng 20-30 cm, tiết diện khoảng 3 cm, mọc rải rác ở khắp các khu rừng có điều kiện sinh thái khác nhau, với số lượng không nhiều. Loại mây này có đặc tính mềm, có thể dùng để

² Khổng Diễn (chủ biên), *Người Khơ-mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1999

dan mặt và chân đế của ghế, vành mâm... Tuy nhiên, *bloong chít* có nhược điểm là rất mềm, hay bị đứt, nên người ta chỉ dùng nó khi không có những loại nguyên liệu khác tốt hơn.

- Bloong gĩa

Giống như *bloong chãng*, *bloong gĩa* cũng mọc thành từng bụi tối đa chừng 30 dây, lóng tương đối ngắn, chừng 20 cm, thường ở rừng cao, đất khô, hay xen với vầu, luồng. *Bloong gĩa* có đặc tính vừa cứng, vừa giòn, ruột lại xốp và rất hay bị mọt, nên trước khi sử dụng loại sản phẩm này người ta phải xử lý chống mọt bằng cách hun khói cho thật khô. Trong trường hợp không có *bloong chãng*, người ta dùng *bloong gĩa* để đan gùi, hòm đựng quần áo, gối, làm vành mâm...

- Bloong gẹt

Bloong gẹt là loại mây có tiết diện lớn (khoảng 4 cm), lóng rất dài (khoảng 40 cm), thường mọc ở những khu rừng đầu nguồn, đất ẩm ướt, gần khe suối. Loại cây này không mọc thành từng bụi mà thưa thớt, mỗi chỗ một cây, cùng với các loại cây khác như giang, dổi, vàng tâm... *Bloong gẹt* rất hiếm, lại có nhiều cuống lá và tay gai, thường leo lên cây cao, nên rất khó khai thác. *Bloong gẹt* thường sử dụng để làm vành chân ghế, nẹp gùi, đan mặt ghế...

- Bloong nuôn

Bloong nuôn có lóng dài 30-40 cm, thân to đều từ gốc tới ngọn, đường kính tới 3 cm, sống thành từng bụi tối đa 10 dây trong các khu rừng già đầu nguồn, ẩm ướt. *Bloong nuôn* thường leo lên cây to nên rất khó khai thác. *Bloong nuôn* có đặc tính mềm, dẻo, dai, dễ uốn, ít bị sâu ăn, nên thường được sử dụng làm dây kéo gỗ, cạp thúng, cạp mẹt, cạp giần, vành chân mâm, đan mặt ghế, mặt vành mâm, khâu cạp rổ, cạp mẹt...

- Bloong rư ینگ

Bloong rư ینگ có lóng rất ngắn, chỉ 10-15 cm, nhưng thân lại rất dài, có khi tới 100 mét. Giống *bloong gẹt*, *bloong rư ینگ* thường mọc mỗi chỗ một cây hoặc tối đa 2-3 dây một bụi và leo lên các cây to ở những khu rừng cao, đất khô. Với đặc tính cứng và kháng mọt nên *bloong rư ینگ* thường được sử dụng làm đế gùi, miệng thúng, vành mẹt... và đôi khi còn dùng làm gậy chống cho người già.

- Bloong cờ nệ

Bloong cờ nệ mọc thành từng bụi, tối đa tới 30 dây, ở những khu rừng đầu nguồn hoặc trong rừng giang, rừng chuối, tiết diện rất bé, chỉ 1 cm, lóng dài 20-30 cm. *Bloong cờ nệ* thường bò và quấn chằng chịt lấy nhau, chứ không leo lên cây như một số loại mây khác, vỏ già khô thường tự tróc ra, nên rất dễ khai thác. Tuy nhiên, *bloong cờ nệ* có đặc tính giòn, hay bị sâu đục thân và bị mọt, nên người ta không dùng để đan mà chỉ dùng buộc cạp rổ, cạp mẹt, cạp gùi khi không có loại mây nào khác tốt hơn.

Ngoài các loại tre nứa và mây, trong các khu rừng thuộc bản Đình Sơn I còn có một số loại dây leo (*chơ mơ*) có thể lấy sợi để đan chài, đan vợt xúc cá hay dùng để uốn chân mâm như *chơ mơ hảm piết*, *chơ mơ pâl*, *chơ mơ kđông đang*, *chơ mơ nuýt hảm boót*, *chơ mơ chơ năng*. Các loại dây leo này không mọc ở vùng đầu nguồn.

II. KHAI THÁC, VẬN CHUYỂN NGUYÊN LIỆU

1. Khai thác, vận chuyển tre nứa

Thường ở các làng nghề, để đảm bảo ổn định sản xuất, người thợ rất chú trọng đến việc tích trữ nguyên liệu. Nhưng người Khơ mú bản Đình Sơn I lại không có thói quen như vậy, mà khi nào cần đan họ mới đi khai thác. Người ta khai thác các cây họ tre quanh năm, không theo mùa vụ nhất định. Tuy nhiên, việc khai thác thường được tiến hành vào cuối tháng âm lịch, khoảng từ sau ngày 20 trở đi và tốt nhất là vào những ngày không có trăng, vì theo kinh nghiệm, tre khai thác vào nửa đầu tháng hay bị mọt và kém bền hơn so với tre khai thác vào những ngày cuối tháng. Theo ông Lữ Văn Sản, "*Tre khai thác từ tháng 10 đến tháng giêng âm lịch năm sau là tốt nhất*". Có thể nói, kinh nghiệm khai thác tre của người Khơ mú có nhiều điểm tương đồng với một số dân tộc khác. Ví như người Kinh có câu: "*Tháng tám tre non làm nhà, tháng ba tre già làm lạt*"; hoặc như các dân tộc ở vùng Trường Sơn-Tây Nguyên cũng thường lựa những ngày cuối tháng âm lịch để chặt tre nứa làm nhà nhằm tránh bị mọt³.

³ Lưu Hùng, *Nhà rông với Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, trong cuốn "*Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*", Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr. 87.

Để khai thác nguyên liệu theo đúng yêu cầu từng loại sản phẩm, trước đây đích thân những người thợ đan phải vào rừng để chọn lựa. Nhưng hiện nay, do một số sản phẩm đã trở thành hàng hoá nên những người đan giỏi chỉ chuyên ở nhà đan, còn người đi lấy nguyên liệu thường là vợ, con của họ.

Tuy không có sự phân công lao động rõ ràng, nhưng việc khai thác nguyên liệu đan lát chủ yếu do người đàn ông khoẻ mạnh trong gia đình đảm nhiệm; còn đàn bà, con trẻ thường chỉ đi lấy mây. Nếu dự định đi xa, vào các khu rừng đầu nguồn, người ta phải mang theo cơm trưa. Cơm được cho vào ép hay gói lá chuối tươi hơ qua lửa, còn nước được đựng trong ống bương. Người Khơ mú cho rằng, vào rừng rất dễ gặp nguy hiểm nên khi người chồng đi rừng để khai thác nguyên liệu đan, người vợ ở nhà phải thực hiện một số kiêng kỵ như không được gội đầu và đóng cửa nhà; mà theo quan niệm của họ nhằm tránh những tai nạn bất thường có thể xảy ra với chồng mình ở trong rừng sâu.

Công cụ khai thác nguyên liệu đan gồm dao nhọn, dao quắm và đôi khi cả dao thường, nhưng trong việc khai thác tre nứa người ta thường chỉ dùng dao nhọn. Dao nhọn dài khoảng 35 cm, cán dài 10 cm, bản rộng 5 cm, sống thẳng và dầy, mũi nhọn, phình to ở phía gần chuôi và thon dần về phía mũi, có lưỡi mỏng và sắc. Loại dao này, ngoài việc dùng để khai thác tre nứa, còn được dùng để chẻ nan, vót nan, chặt mép những sản phẩm có hình tròn như mâm, nong, thúng, mẹt, dĩa. Mỗi lần đi khai thác tre, người Khơ mú thường tra dao vào bao và đeo bên cạnh sườn. Nếu thuận tay phải đeo bao dao bên sườn trái, và ngược lại, thuận tay trái đeo bao dao bên phải để tiện rút ra và tra vào.

Có một điểm khá lý thú là, đối với người Khơ mú ở bản Đình Sơn I, con dao nhọn bao giờ cũng gắn với nam giới (chặt cây, làm nhà, chẻ nan, vót nan), còn phụ nữ thì chỉ dùng dao quắm (lấy mây, lấy củi, lấy măng).

Ở Đình Sơn I, mặc dù Nhà nước đã giao đất, giao rừng cho dân và ban quản lý rừng của bản đã khoanh vùng cụ thể, khu vực rừng sản xuất có thể phát nương rẫy, khu vực rừng khoanh nuôi bảo vệ, cấm chặt phá, nhưng khi cần nguyên liệu

để đan lát cũng như làm nhà thì người dân ở đây có thể khai thác ở bất cứ khu rừng nào, kể cả rừng cấm.

Để khai thác được nhiều nguyên liệu tốt, người thợ đan không những phải có đủ sức khoẻ, mà còn phải có kinh nghiệm, phương pháp làm việc và có kỹ thuật để xử lý trong những tình huống cụ thể. Có những bụi tre rất dễ khai thác, người ta không cần vất vả lắm, chỉ việc cầm dao, chọn tư thế đứng thích hợp rồi chặt; nhưng nhiều khi gặp phải những bụi cây rất khó khai thác vì có nhiều cành, gai rậm rịt, lúc đó họ phải dùng dao phát hết những cành rong và dây leo vướng víu bên ngoài, thậm chí có khi phải chặt cả những cây khác mọc ở phía ngoài cho đỡ vướng rồi mới chặt đến cây mình cần khai thác. Trước khi chặt các loại cây họ tre người ta còn phải quan sát kỹ xem trên phía ngọn có cành khô không, chọn chỗ đứng và thế đứng thích hợp, nhằm để phòng tai nạn và đạt được năng suất lao động cao. Đối với những cây tre mọc riêng lẻ hay ở phía ngoài bụi, nhất là cây cong hay cây mọc ở chỗ dốc thì người ta càng phải chú ý hơn. Khi chặt, người khai thác phải đứng tránh chiều ngã của cây để khi nó đổ xuống không đè hay bật gốc vào người. Cũng nhằm để phòng cây đổ vào người, khi chặt các cây họ tre (trừ những cây ở phía trong bụi), bao giờ người ta cũng phải một tay cầm dao chặt, còn tay kia giữ gốc cây trên chỗ chặt khoảng 20-30 cm. Để kéo cây ra khỏi bụi rậm, ngoài việc lựa chiều kéo, người ta còn phải chặt dần những tay rong bị mắc và khi đã kéo hết phần có thể sử dụng ra thì chặt bỏ ngọn luôn. Trước khi chặt cây họ tre, người Khơ mú không bao giờ lấy dao gõ vào thân vì sợ rằng làm như thế thì sau này nan của nó sẽ bị mọt.

Cũng như ở nhiều nơi khác, ở Đình Sơn I, việc vận chuyển nguyên liệu về nhà chủ yếu bằng sức người. Khi đã khai thác được đủ lượng cây tre, nứa cần dùng, người ta róc bỏ mắt và chặt ra thành từng đoạn theo nhu cầu sử dụng; sau đó xếp lại và dùng dây rừng hoặc lạt chẻ từ cật tre non buộc lại thành bó để kéo, gùi hay vác về nhà. Ngoài ra, người Khơ mú cũng còn lợi dụng sức nước để vận chuyển nguyên liệu đan. Vào mùa mưa, nước suối dâng lên, nếu khai thác nhiều, người ta thường kết những cây tre lại thành bè và thả trôi theo dòng nước về bản.

2. Khai thác, vận chuyển mây

Theo người dân địa phương, trước kia, khi rừng còn nhiều thì việc khai thác nguyên liệu khá dễ dàng. Người ta chỉ cần vào rừng một lúc đã có thể lấy đủ lượng mây cần thiết để làm một cái mâm. Nhưng hiện nay, do tình trạng chặt phá rừng làm nương rẫy phổ biến, nghề đan lát phát triển mạnh nên nguyên liệu mây đã giảm đáng kể. Đặc biệt là, trong những năm 1978 - 1984, khi các cơ sở thương nghiệp của Nhà nước và một số tư thương thu gom mây để bán cho một số cơ sở sản xuất hàng mây tre xuất khẩu ở Huế, thì ở bản Đinh Sơn I cũng như ở miền núi Nghệ An nói chung, việc khai thác mây diễn ra khá ồ ạt làm cho lượng mây giảm đi nhanh chóng. Ở gần khu thổ cư Đinh Sơn I hiện chỉ còn rất ít mây và chủ yếu là cây non, có khi 1 bụi chỉ có 1-2 dây ngắn. Vì thế, việc khai thác mây ngày càng trở nên khó khăn hơn, người ta thường phải đi rất xa, lặn mò đến những chỗ chưa ai từng đến, có khi phải mang theo cơm dùm, cơm nắm đi cả ngày đường mới đến được chỗ có nhiều mây để khai thác. Nếu gặp may, trong 1 ngày 1 người có thể lấy được một gùi nặng, đủ đan 5 - 6 cái mâm; nhưng nếu không gặp may có khi đi cả ngày từ lúc tờ mờ sáng đến tối mịt mà vẫn tay trắng.

Hiện nay, nhiều người dân của Đinh Sơn I đã tìm đến những khu rừng thuộc phạm vi bản khác quản lý để khai thác mây. Ngoài các khu rừng quen thuộc của Bản Bà, Na Lượng, Na Chạo, Huổi Thợ, họ còn đến tận Piêng Luông, Huổi Lang, Huổi Tỳ, cách xa bản trên 10 km.

Nếu khai thác tre nửa người Khơ mú thường sử dụng dao nhọn thì trong khai thác mây họ lại dùng dao quắm là chính. Dao quắm là loại dao có mũi cong với chiều dài hơn 60 cm, nhưng riêng cán đã chiếm gần một nửa, khoảng 30 cm; sống dao dày và bản dao rộng, khoảng 6 cm. Dao có trọng lượng khá nặng nên dùng để chặt cây, đốn cây rất tiện lợi. Loại dao này chủ yếu dành cho phụ nữ sử dụng. Trước kia, mỗi khi mang dao đi vào rừng hay đi lên rẫy, các bà, các chị thường cài dao vào một cái bao làm bằng nửa ống luống và buộc nó vào bên hông; nhưng hiện nay họ không sử dụng bao dao mà luôn cầm nó trên tay.

Ở người Khơ mú, lấy mây là công việc của phụ nữ, nhưng trong quá trình khai thác, nếu

phát hiện những dây mây to và dài, leo bám trên cây cao, lượng sức mình không thể kéo xuống được thì các bà, các chị không chặt mà nhó vị trí rồi về báo lại cho chồng, con đến khai thác lấy mây.

Ở Đinh Sơn I, gần như có sự phân công lao động trong việc khai thác nguyên liệu. Nếu khai thác cây nguyên liệu họ tre là công việc của đàn ông thì khai thác cây họ mây lại chủ yếu là công việc của đàn bà và con trẻ. Trong việc khai thác mây, mẹ trực tiếp lấy mây, còn con cái thường giúp đỡ mẹ trong việc vận chuyển và quan trọng hơn là học hỏi thêm cách làm của mẹ. Ngoài ra, trẻ em còn có thể kết hợp đi hái lượm rau, quả dại, măng hoặc bất cứ thứ gì trong rừng có thể ăn được.

Nhìn chung, lấy mây là một công việc vất vả, vì mây có ít lại không mọc tập trung thành rừng, do đó, người ta chỉ có thể biết được ở khu rừng nào có mây chứ không biết chính xác từng bụi, từng cây. Có nơi, mây mọc ngay trong rừng tre, cũng có chỗ mây mọc xen với các loại cây thân gỗ, leo lên trên ngọn cây và vắt từ cây này sang cây khác. Để kiếm tìm mây, nhiều khi người ta phải phát cây để mở đường đi, thậm chí có chỗ phải luồn qua bụi rậm và chịu cho muỗi đốt, vắt cắn. Họ thường vừa đi vừa quan sát, nếu phát hiện lá mây thì tiếp tục tìm xem gốc nó ở đâu và khi đã lần ra gốc thì phát quang xung quanh, tạo ra một không gian đủ để khai thác. Sau khi dùng dao quắm cắt đứt gốc mây, người ta dùng hai tay kéo dần dây mây ra khỏi bụi. Cứ kéo được một đoạn họ lại dùng dao đập đập vào dây mây hoặc nếu như có cây to ở gần đấy thì vòng dây mây qua thân cây rồi kéo đi, kéo lại để cho những bẹ khô tự tróc ra. Đến phần bẹ tươi người ta phải dùng dao róc từng đoạn một theo chiều từ ngọn xuống gốc. Khi khai thác mây, người ta còn lấy cả đọt ngọn mây để mang về nhà nấu canh hoặc ăn ghém.

Khi khai thác xong một bụi và chuyển sang bụi mây khác để khai thác tiếp, các em nhỏ thường đi theo sau người lớn và kéo những sợi mây vừa lấy được. Chỉ khi nào công việc kết thúc, gom đủ lượng mây cần thiết thì người ta mới cuộn các sợi mây và buộc nó lại với nhau để gửi về nhà. Sở dĩ họ làm như vậy là vì, trong rừng rậm kéo dọc các sợi mây vừa đỡ tốn sức và dễ đi

hơn; còn trên đường quang thì việc vận chuyển bằng cách gùi lại thuận tiện hơn.

Việc khai thác mây diễn ra hầu như quanh năm và bất kỳ thời điểm nào chứ không cần phải tránh những ngày đầu tháng như khi khai thác tre nứa. Để cho các đờ đan từ mây khỏi bị mốc, người Khơ mú chỉ khai thác những dây mây đã tương đối già; nếu là *bloong chít* và *bloong gạ* thì cây phải có chiều dài từ 7 sải tay trở lên, riêng *bloong chãng* thì dài từ 3 sải trở lên là đã có thể khai thác. Người Khơ mú thích lấy những dây mây leo trên cây có vỏ màu vàng hoặc xanh, vì chúng không bị cốm nắng nên dẻo hơn, sản phẩm làm ra sẽ chắc và bền. Với những dây mây bò dưới đất hoặc mọc ở rừng chuối có màu trắng, họ không khai thác vì mây này rất giòn, dễ gãy, khó chế thành nan.

III. CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN NGUYÊN LIỆU

1. Chế biến nguyên liệu

Như đã nói, ở Đình Sơn I nguồn nguyên liệu tre nứa rất dồi dào, có thể khai thác một cách tương đối dễ dàng nên người ta hầu như không tích trữ hoặc tích trữ rất ít, chỉ cốt sao có đủ nguyên liệu dùng trong một thời gian ngắn. Thường thì cần đến đâu người ta khai thác đến đó. Sau khi chặt gốc, róc cành và dẫn ngọn, họ chặt cây ra thành từng đoạn (ngắn hay dài tùy theo mục đích sử dụng) để vận chuyển về nhà cho thuận tiện. Đến nhà, người ta pha ngay những đoạn tre nứa vừa mang về thành nan bán thành phẩm, hoặc nếu kịp thì chế biến luôn thành nan thành phẩm. Họ cho biết, nếu không pha chế ngay như thế, tre nứa bị héo, sẽ trở nên quánh, rất khó pha và chế thành nan.

Để pha chế tre nứa, trước tiên người Khơ mú dùng dao róc sạch các đầu mắt, sau đó một tay giữ đoạn tre theo phương thẳng đứng (gốc ở dưới, ngọn ở trên), tay kia cầm dao nhọn hoặc dao quắm bổ dọc xuống chia nó thành 2 nửa rồi chế tiếp thành những mảnh nhỏ hơn. Để pha chế những đoạn tre dài quá đầu người, họ thường đứng ở một vị trí cao hơn chỗ dựng đoạn tre cần bổ hoặc dựng nghiêng đoạn tre đó sao cho nó vừa với tầm tay của người thợ cho dễ chế. Khi đã pha chế tre thành những mảnh nhỏ, rộng chừng 1,5-2 cm, họ dùng dao lia qua các cạnh của từng mảnh tre cho đỡ sắc, để phòng bị đứt tay. Tiếp theo, tách bỏ phần bụng các mảnh tre này và chế

thành các thanh nhỏ hơn, có bề rộng gần như những sợi nan để đan, rồi lại tiếp tục bỏ bớt phần bụng, chỉ giữ lại phần cật có độ dày đủ để chế theo lối lột vỏ từ ngoài vào trong thành hai hoặc ba nan (tùy theo từng loại tre và yêu cầu chất lượng sản phẩm). Để có nan thành phẩm đẹp, giúp cho việc vào nan được dễ dàng, sản phẩm đẹp và chắc chắn, người ta dùng dao nhọn để vót⁴, nhằm điều chỉnh lại độ dày mỏng và làm cho nan nhẵn hơn.

Nếu như trong việc khai thác tre, đôi khi cũng có sự tham gia của phụ nữ thì trong việc chế biến nan hầu như do đàn ông đảm nhiệm. Trong quá trình chế biến nguyên liệu, người Khơ mú kiêng mang các đoạn tre nứa còn tươi vào trong nhà, vì theo quan niệm của họ, sự xuất hiện của tre tươi trong ngôi nhà là biểu hiện của sự tang tóc hoặc không may mắn (chỉ khi có tang, người ta mới mang những đoạn tre như thế vào nhà để làm cang khiêng người chết đi chôn). Tuy nhiên, nếu tre đã được pha chế ra thành từng mảnh nhỏ thì có thể mang vào nhà được.

Với nguyên liệu mây, sau khi phụ nữ và trẻ em đi khai thác mang về nhà, đàn ông phải bắt tay ngay vào việc chế biến thành nan bán thành phẩm. Nói như ông Lữ Văn Nhum, "*Khi mây còn tươi, phải chớp lấy thời cơ, tranh thủ pha chế ngay, vì nếu để mây khô, quánh lại rồi thì rất khó làm*".

Như đã nói, mây được cuộn thành cuộn tròn để vận chuyển về nhà nên hay bị cong. Do vậy, để có nan đều, không bị lồi hoặc gãy thì trước khi chế người ta phải tháo các cuộn mây ra và nắn lại từng sợi cho nó trở lại thẳng như trạng thái ban đầu. Tiếp theo, phụ thuộc tiết diện sợi mây lớn hay nhỏ và tùy vào mục đích sử dụng, họ dùng dao nhọn chế tách sợi mây thành 4 hoặc 6 phần bằng nhau.

Người Khơ mú chế mây theo nguyên tắc tách dần sợi mây từ gốc lên ngọn. Vì sao họ lại làm như vậy? Cho đến nay, trong cư dân bản Đình Sơn I vẫn còn lưu truyền một câu chuyện dân gian giải thích thói quen này như sau: "*Xưa kia, ở bản nọ có một người phụ nữ đã lớn tuổi mà vẫn chưa có chồng con. Một lần vào rừng hái măng, vì khát nước quá mà không tìm đâu được nước*

⁴ Xem thêm: *Người Khơ-mú ở Việt Nam*, Sđd, tr. 99

sạch nên bà dành phải múc nước đọng trong vết chân của một con bò rừng để uống tạm cho đỡ khát. Không ngờ, đó là nước giải của một con bò đực, bà có thai, bụng cứ to dần lên và sau 3 tháng thì đẻ ra một con bò con. Một hôm, bò con hỏi mẹ bố nó là ai và hiện đang ở đâu? Bà mẹ lúng túng, không biết trả lời con mình như thế nào nên đưa cho nó một sợi dây mây và bảo rằng, nếu nó muốn biết bố là ai và muốn gặp được bố thì phải chẻ sợi dây mây đó thành 7 sợi. Chẻ mây thành những sợi nhỏ và hơn nữa lại chẻ thành số sợi lẻ là một việc vô cùng khó khăn, không phải ai cũng làm được, nhưng vì nóng lòng được gặp bố nên con bò con đã đem hết tài trí ra để chẻ mây. Nó loay hoay bên sợi mây một lúc rồi lấy sừng húc vào gốc sợi dây mây và đẩy dần lên phía ngọn, chẻ thành 7 sợi khác nhau". Từ đó, người Khơ mú biết rằng, muốn chẻ mây được dễ dàng thì không phải chẻ từ ngọn xuống phía gốc mà phải làm ngược lại, chẻ từ gốc lên phía ngọn, và thói quen này đã được đúc kết thành câu tục ngữ: "Bloong phạ lưt, tờ nếch phạ ltuônl bgaí" (Chẻ vầu/luông từ ngọn, chẻ mây từ gốc).

Để chẻ mây, trước tiên, người ta dùng dao nhọn tiện bằng gốc mây rồi đặt lưỡi dao nhọn vào chính giữa mặt cắt của nó, một cánh tay khép lại, kẹp chặt cán dao trong nách để giữ con dao cố định, tay kia cầm sợi mây đẩy vào lưỡi dao. Với cách chẻ này, tay người chẻ luôn phải điều chỉnh sợi mây sao cho hai nửa được tách ra luôn luôn có độ dày như nhau và không bị gãy hay lã.

Sau khi pha mây thành các sợi bán thành phẩm, người ta dùng lạt buộc lại thành từng bó chừng 20-30 sợi và gác lên mái nhà, hoặc mang ra ngoài trời gác lên hàng rào hong gió (nếu trời nắng nhẹ). Người Khơ mú không bao giờ để mây lên trên gác bếp, vì sợ rằng mây "khô cướp", sợi biến dạng, sau này nan sẽ giòn, dễ gãy. Phơi khoảng 2 ngày rồi dùng dao cạo lại vỏ sót và vót bỏ phần bụng tạo thành nan thành phẩm. Khi vót nan người ta cũng làm như khi chẻ nan mây, một cánh tay khép lại, kẹp chặt cán dao trong nách để giữ con dao cố định, tay kia đưa sợi mây đi qua, đi lại giữa lưỡi dao và ngón tay cái đang giữ dao cho đến khi nào nan có độ dày đều nhau. Cứ vót xong mỗi nan, họ lại chặt chéo góc đầu nan phía gốc, để đến khi đan, nếu cần có thể xâu nan dễ dàng. Ở đây, có điều cần lưu ý là, trong mọi

công việc, dao được mài càng sắc càng dễ sử dụng và sử dụng có hiệu quả hơn, nhưng riêng khi dùng để vót nan mây, người ta chỉ để dao sắc vừa phải thì mới dễ vót và khi vót không lẹm hoặc đứt nan. Nếu nan vót xong chưa sử dụng ngay thì được cuộn tròn từng sợi, để phần bụng ngửa ra ngoài, phần cật úp vào trong và buộc lại để cất giữ. Người ta phải cuộn như vậy là vì để phòng nan vẫn chưa khô hẳn, nếu cuộn nan ngược lại thì khi nan khô sẽ bị co ngót và hai bên mép sẽ quặp vào phía trong làm cho mặt nan cong vênh, sau này vào nan rất khó và sản phẩm đan từ loại nan này sẽ không đẹp.

Trong việc chế biến mây, cùng với chẻ nhỏ và vót nan, người Khơ mú còn làm sẵn một số chi tiết phụ để sau này ráp với phần chính của sản phẩm như thân mâm, chân mâm, vành ghế, khung gùi v.v... Để ướn thân mâm, người ta lấy *bloong chãng* về phơi khoảng 5-7 ngày cho sợi mây khô tái, trở nên mềm và dẻo hơn rồi đem ướn bằng cách cắm 2 chiếc cọc song song với nhau (tuỳ theo thân mâm cao hay thấp mà khoảng cách giữa 2 cọc lớn hay nhỏ), sau đó chãng sợi dây mây vòng qua, vòng lại theo hình số 8. Để ướn vành ghế người ta dùng những đoạn mây to còn tươi khoanh xung quanh 1 cái cột gỗ to, tròn, chôn ngay gần nhà và buộc 2 đầu dây lại với nhau tạo thành vòng tròn.

Ngoài tre và mây, người Khơ mú còn sử dụng một số loại dây leo làm nguyên liệu đan lát. Đối với loại dây rừng hay mọc trên nương ngô được gọi là *chơ mơ hằm piết* thì vào khoảng tháng 8 âm lịch, khi thu hoạch ngô người ta cắt lấy dây này; mỗi dây có thể lấy được 9-10 đốt (mỗi đốt chừng 40 cm); sau đó mang về ngâm nước một thời gian cho nhựa thôi ra và để tăng độ bền rồi tước lấy vỏ, hong khô và vè lại cho dây thêm xoắn chắc. Cũng giống như với dây gai, trước khi đan người ta phải đem sợi *chơ mơ hằm piết* ngâm trong nước *pan* 3 ngày, mỗi ngày thay nước 3 lần. Hiện nay, ở Đình Sơn I loại dây rừng này còn rất ít và chất lượng không được tốt lắm.

2. Bảo quản nguyên liệu

Nghề đan lát của người Khơ mú ở Đình Sơn I mặc dù đã có những bước phát triển đáng kể, nhưng cho đến nay, nó vẫn chỉ được sản xuất trong phạm vi từng gia đình, rất manh mún. Lượng nguyên liệu cần sử dụng không nhiều lắm. Và dường như, ở người Khơ mú cũng như

nhiều cư dân miền núi khác vẫn tồn tại một thói quen đã có từ lâu là, có thì dùng, hết thì thôi, có bao nhiêu thì sử dụng bấy nhiêu, chứ họ không mấy lo xa, không chú ý đến việc tích trữ như người Việt. Vì thế, khai thác nguyên liệu đến đâu người ta chế biến ngay đến đấy và có thể dùng hết luôn nên họ không quan tâm đến việc phải bảo quản nguyên vật liệu như thế nào. Tuy nhiên, trong quá trình đan lát có thể có một ít nguyên liệu dôi ra và tạm thời chưa sử dụng đến, do đó, nó cần được bảo quản trong một thời gian nhất định. Việc bảo quản nguyên liệu được người Khơ mú thực hiện dưới hình thức ngâm nước hoặc hun khói.

Các loại nguyên liệu họ tre dùng để đan chủ yếu là loại bánh tẻ nên nếu chưa sử dụng ngay thì người ta thường pha thành từng mảnh (đối với *tờ la*) hoặc chế biến thành nan thành phẩm (đối với *tờ nếch*) rồi bó lại thành từng bó nhỏ và ngâm xuống suối khoảng hai ngày. Ông Lò Văn Bảy cho biết: "*Nếu ngâm tre hoặc nan không đủ hai ngày, sau này dễ bị mọt; còn ngâm nhiều hơn hai ngày, sau này nan khô quá sẽ giòn, khó đan*". Cách ngâm tre của người Khơ mú phần nào thể hiện những kinh nghiệm ứng xử với môi trường sông suối. Khi ngâm, người ta thường đặt bó tre ở ngay gần bờ, chỗ nước nông và bao giờ cũng để nó nằm dọc theo dòng nước, chìm dưới mặt nước khoảng 5-10 cm và lấy đá đè lên trên để nước khỏi cuốn trôi.

Một cách bảo quản truyền thống khác cũng đã được người Khơ mú và các dân tộc khác áp dụng từ rất lâu đời là đặt các loại nguyên liệu đã được chế biến, kể cả thành phẩm và bán thành phẩm lên gác bếp để hun khói. Với những sợi mây hay đoạn mây đã uốn cong để làm thân mâm, chân mâm, vành ghế, khung gùi thì sau khi phơi nắng một thời gian cũng được đặt lên gác bếp, khi nào cần dùng mới đem ngâm nước cho mềm. Một số sản phẩm đan như mâm, ghế, mẹt..., nếu chưa bán được hoặc chưa sử dụng đến thì cũng được hun khói theo cách như vậy để tránh mốc, ỉa và bị mọt ăn, đồng thời, làm cho chúng có màu vàng óng hay nâu sậm, tăng thêm độ thẩm mỹ.

IV. KẾT LUẬN

Là một cư dân sinh sống ở vùng cao, người Khơ mú bản Đình Sơn I có vốn hiểu biết tương

đối phong phú về rừng. Họ biết rõ đặc điểm và chu kỳ sinh học của nhiều loại cây cũng như khả năng khai thác và sử dụng chúng vào việc thỏa mãn các nhu cầu của đời sống, trong đó nhiều loại cây được sử dụng làm nguyên liệu để đan lát, đặc biệt là những cây thuộc họ tre và mây.

Không chỉ hiểu được những đặc tính của từng loại cây để sử dụng linh hoạt làm nguyên liệu cho mỗi loại sản phẩm đan lát (tuỳ theo yêu cầu kỹ thuật và mục đích sử dụng của từng loại sản phẩm), người Khơ mú còn tỏ ra rất có kinh nghiệm trong việc khai thác nguyên vật liệu đan. Đối với từng loại cây sinh sống trong điều kiện cụ thể, họ biết vào thời gian nào, phải sử dụng nguồn lực, loại công cụ lao động nào, dùng những biện pháp gì để khai thác, vận chuyển về nhà một cách hợp lý, hiệu quả. Song, qua việc khai thác nguyên liệu cũng cho thấy người Khơ mú không có thói quen "phòng cơ tích cốc" như người Việt, mà dùng đến đâu khai thác nguyên liệu đến đó. Ở đây cũng cho thấy tư tưởng "của rừng": khi cần hay thiếu nguyên liệu (nhất là mây), người ta cứ khai thác và khai thác ở bất cứ chỗ nào chứ không quan tâm đến việc phải bảo vệ, khoanh nuôi rừng.

Người Khơ mú có kinh nghiệm ứng xử với các loại cây khai thác từ rừng. Họ biết cách tận dụng thời cơ, áp dụng kỹ thuật, công cụ để chế biến nguyên liệu đan một cách dễ dàng và bảo quản nó được lâu dài. Những tri thức đó rõ ràng đã được đúc kết qua nhiều thế hệ và truyền lại cho đến ngày nay qua các câu chuyện dân gian và câu tục ngữ về cách pha chế mây, tre của họ.

Tài liệu tham khảo

1. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam* (tập II), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
2. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Bắc). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
3. Khổng Diễn (chủ biên), *Người Khơ-mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1999.
4. La Công Ý - Võ Mai Phương, *Nghề đan lát của người Khơ mú ở bản Đình Sơn I trong cơ chế thị trường*, Tạp chí Dân tộc học số 2/2004, tr. 22.